

KẾ HOẠCH

**Triển khai Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch quốc gia thích
ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
(cập nhật) trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Thực hiện Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật) và theo báo cáo, đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường⁽¹⁾, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai có hiệu quả Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) giai đoạn 2021 - 2030 nhằm giảm thiểu tính dễ bị tổn thương và rủi ro trước những tác động của BĐKH thông qua việc tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái; thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với BĐKH vào hệ thống chiến lược, quy hoạch của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Triển khai các hoạt động thích ứng với BĐKH trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bám sát các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật) (sau đây gọi tắt là *Quyết định số 1422/QĐ-TTg*) theo thẩm quyền, quy định và phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của địa phương.

- Xác định nguồn lực tài chính và thiết lập hệ thống giám sát công tác ứng phó với BĐKH, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm nhẹ thiệt hại, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do BĐKH trên địa bàn tỉnh Kon Tum; nâng cao hiệu quả thích ứng với BĐKH thông qua việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về BĐKH, trong đó có hoạt động thích ứng với BĐKH.

- Tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái bảo đảm hài hòa lợi ích, tạo động lực khuyến khích các bên tham gia công tác ứng phó với BĐKH, quản lý,

¹Công văn số 3923/STNMT-MT ngày 10 tháng 12 năm 2024.

khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường, sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Nghiên cứu, triển khai thực hiện các giải pháp trong Kế hoạch đồng bộ và có tính kế thừa, kết hợp hài hòa giữa giải quyết các vấn đề quan trọng, cấp bách với các vấn đề cơ bản, dài hạn; ưu tiên mục tiêu trung hạn và dài hạn gắn với phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường, phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế của địa phương cụ thể như sau:

1. Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững

Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững thông qua đầu tư cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm sử dụng hiệu quả và ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái tài nguyên; phát triển nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ, phát triển rừng và các hệ sinh thái; phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng; tăng cường hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe; bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới.

a) Sử dụng hiệu quả và ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái tài nguyên:

- Triển khai thực hiện quy hoạch tài nguyên nước, trong đó xác định các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt. Điều tra, đánh giá các nguồn nước dưới đất, quản lý hiệu quả các hoạt động khai thác nước dưới đất trong các khu vực chịu tác động của biến đổi khí hậu; phòng chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước;

- Đẩy mạnh tìm kiếm, thăm dò, khai thác nguồn nước đảm bảo cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho Nhân dân tại các vùng khó khăn về nguồn nước;

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến để quản lý, bảo vệ, phát triển bền vững các nguồn nước, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước, thu gom, sử dụng nước mưa, bổ sung nhân tạo nước dưới đất, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do thiếu nước gây ra;

- Theo dõi, giám sát, đánh giá tài nguyên nước xuyên biên giới và tăng cường hợp tác quốc tế để bảo vệ, ngăn chặn suy giảm, suy thoái tài nguyên nước xuyên biên giới;

- Khai thác hợp lý, hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông cho phát triển rừng, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp. Tăng cường các giải pháp cải tạo, bảo vệ môi trường đất, đặc biệt đối với đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất do xói mòn, hạn hán;

- Quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên khoáng sản sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường, bảo đảm phòng, chống sụt lún, sụt lở.

b) Phát triển nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu

Triển khai các giải pháp nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, bố trí hợp lý cơ cấu mùa vụ, chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa sang cây trồng có giá trị, hiệu quả kinh tế cao hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản; khai thác và phát huy lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, phát thải khí nhà kính thấp, thân thiện với môi trường dựa vào lợi thế tự nhiên của từng vùng và nhu cầu của thị trường; đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, phát triển chuỗi giá trị nông sản hoặc vùng nguyên liệu chủ lực; quy hoạch vùng sản xuất, phát triển nông nghiệp, hàng hóa tập trung quy mô lớn và hiện đại.

c) Quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và các hệ sinh thái

- Bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có; tăng cường khả năng phòng hộ của rừng đầu nguồn; phát triển rừng trồng gỗ lớn và phục hồi cảnh quan rừng; quản lý bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ, quản lý và phát triển rừng. Củng cố và kiện toàn hệ thống giám sát và đánh giá, ứng phó khẩn cấp với cháy rừng;

- Quản lý các hệ sinh thái; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu;

- Tăng cường chất lượng các khu bảo tồn thiên nhiên; phát triển các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào tự nhiên, dựa vào hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; thực hiện kiểm kê, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học theo quy định.

d) Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu

- Quy hoạch, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, khu dân cư, khu tái định cư trên cơ sở phân vùng rủi ro thiên tai và kịch bản biến đổi khí hậu. Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng gắn với triển khai đồng bộ các biện pháp bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Phát triển đô thị, hạ tầng đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu tái định cư; phát triển các khu đô thị, du lịch sinh thái; đẩy mạnh phát triển nhà ở, hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng các giải pháp làm mát bền vững, vật liệu mới có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị;

- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các cơ sở y tế, trường học bảo đảm khả năng chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai; tăng cường năng lực thích ứng khi xảy ra thiên tai và sơ tán trong các tình huống thiên tai khẩn cấp;

- Nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; phát triển hệ thống giao thông kết nối liên vùng;

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt do mưa lớn, lũ. Tập trung hoàn thành các công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất; xây dựng và hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi; xây dựng mới một số hồ chứa lớn đa mục tiêu tại các vùng hạn hán, vùng khan hiếm nước;

- Tăng cường năng lực, cơ sở hạ tầng cung cấp nước sạch cho dân cư cho khu vực nông thôn, miền núi, vùng chịu tác động của bão, lũ, hạn hán.

đ) Tăng cường hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe

- Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu, ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương, các cộng đồng người dân tộc thiểu số. Xây dựng và nhân rộng các mô hình của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường truyền thông và xây dựng năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu trong ngành y tế;

- Phát triển hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe.

e) Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới

Phát triển các mô hình sinh kế bền vững; chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, vốn và dịch vụ bảo hiểm rủi ro cho hệ thống bảo trợ xã hội, người dân, người yếu thế ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu.

2. Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng, góp phần giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu

Triển khai các giải pháp tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo sớm thiên tai và các điều kiện khí hậu, thời tiết cực đoan; cải thiện đánh giá và quản lý rủi ro khí hậu; thực hiện các giải pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do các tác động ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của biến đổi khí hậu, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng.

a) Dự báo và cảnh báo sớm

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn và hệ thống quan trắc, giám sát thiên tai chuyên dùng, phục vụ phòng, chống bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, hạn hán. Thực hiện xã hội hóa một số hoạt động quan trắc, giám sát khí hậu cực đoan, ưu tiên xã hội hóa đối với hệ thống đo mưa tự động;

- Ứng dụng các công nghệ dự báo tiên tiến, hiện đại; ưu tiên phát triển công nghệ dự báo mưa định lượng, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, cảnh báo đa thiên tai, dự báo dựa trên tác động; triển khai các sản phẩm dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn truyền tải đa dạng trên nền tảng công nghệ số; nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ khí hậu và cung cấp thông tin phục vụ phòng chống thiên tai;

- Tăng cường năng lực truyền tin thiên tai kết hợp với hệ thống cơ sở hạ

tăng về thông tin, truyền thông quốc gia bảo đảm truyền, phát thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời phục vụ phòng chống thiên tai hiệu quả;

- Điều tra, đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với các đô thị; khoanh vùng các khu vực có nguy cơ chịu tác động cao của biến đổi khí hậu; tính toán khả năng và mức độ tự thích nghi, đề xuất giải pháp ứng phó;

- Cải thiện hệ thống quản lý rủi ro thiên tai, hoàn thành đánh giá, phân vùng rủi ro khí hậu và thiên tai, lập bản đồ cảnh báo thiên tai; xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai, phát huy tri thức địa phương trong phòng chống thiên tai.

b) Xây dựng, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai

- Củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê, kè sông, hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện bảo đảm chủ động phòng, chống lũ, bão theo mức thiết kế và an toàn trước tác động gia tăng do biến đổi khí hậu; ưu tiên bảo đảm an toàn cho hệ thống hồ, đập, đê, kè sông;

- Xây dựng, củng cố công trình phòng, chống sạt lở bờ sông tại những khu vực sạt lở diễn biến phức tạp, uy hiếp nghiêm trọng khu dân cư tập trung và cơ sở hạ tầng quan trọng;

- Hình thành hệ thống kiểm soát, hạn chế lũ lụt, ngập úng trong đô thị. Hình thành hồ chứa điều tiết ngập lụt, khai thông, nạo vét, cải tạo gia cố, nắn dòng cho các đường thoát nước đô thị; khoanh vùng bảo vệ và có giải pháp tái định cư và di dời dân trong vùng cảnh báo rủi ro; phát triển nhà ở vượt lũ, nhà ở có khả năng chống chịu cao với gió bão;

- Tăng cường năng lực phòng chống lũ quét, sạt lở đất, phòng chống bão, phòng chống lũ lớn và lũ cực đoan; phòng chống tác hại của hạn hán;

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo, duy tu, bảo dưỡng hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản người dân, triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu

- Quy hoạch, đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra bão, lũ, sạt lở bờ sông hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở, sụt lún đất, tai biến địa chất; những nơi chưa thể di dời được cần được theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro;

- Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương tại các vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan và thiên tai; xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai; bảo đảm an toàn cho người dân;

- Tăng cường năng lực cho các lực lượng tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, bảo đảm an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong các tình huống thiên tai;

- Thực hiện các chương trình phục hồi sau thiên tai, ưu tiên đối với những khu vực chịu nhiều thiệt hại, các đối tượng dễ bị tổn thương;

- Triển khai các giải pháp giảm thiểu tổn thất và thiệt hại thông qua các cơ chế tài trợ rủi ro như bảo hiểm rủi ro khí hậu, quỹ dự phòng và các chương trình bảo trợ xã hội.

3. Hoàn thiện thể chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực để thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu, hoàn thiện thể chế, chính sách và thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch; thúc đẩy các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu đồng lợi ích, nâng cao nhận thức và sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua truyền thông, đào tạo, tăng cường nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, huy động các nguồn tài chính, đầu tư và các hoạt động hợp tác quốc tế ứng phó với biến đổi khí hậu.

a) Triển khai các thể chế, chính sách

- Nghiên cứu, kiến nghị các Bộ, ban, ngành trung ương sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật chuyên ngành, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 cho phù hợp với các quy định pháp luật chuyên ngành nhằm phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó có việc lồng ghép các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Triển khai các quy định quản lý hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thích ứng với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực có liên quan; xác định các dự án, nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Triển khai cơ chế phối hợp liên vùng, liên ngành trong thích ứng với biến đổi khí hậu; các cơ chế, chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu mang lại đồng lợi ích cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách phát triển tín dụng xanh phù hợp với mục tiêu chuyển đổi xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo hiểm rủi ro khí hậu, thí điểm triển khai bảo hiểm rủi ro biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực trồng trọt, nuôi trồng thủy hải sản;

- Nâng cao tiêu chuẩn phòng, chống thiên tai, sự cố môi trường, bảo vệ môi trường trong các công trình xây dựng, đô thị; triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho việc xây dựng và lựa chọn mô hình phát triển đô thị phù hợp với đặc điểm địa phương;

- Cập nhật, hoàn thiện hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương.

b) Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng

- Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về dự

báo khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo thiên tai cho cơ quan chính quyền các cấp, tổ chức, hộ gia đình và cộng đồng;

- Xây dựng và triển khai các hoạt động truyền thông, tổ chức các lớp tập huấn cho chính quyền các cấp, tổ chức xã hội và cộng đồng nhằm phổ biến, nâng cao nhận thức, cập nhật kiến thức, thông tin về tổn thất và thiệt hại, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng lợi ích trong thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu; đẩy mạnh sự tham gia của thanh niên, phụ nữ và các đơn vị liên quan trong các hoạt động về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, tri thức địa phương; tuyên truyền, nhân rộng các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào tự nhiên, hệ sinh thái, cộng đồng;

- Phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và cộng đồng, đặc biệt là cộng đồng dân tộc thiểu số trong công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Nâng cao nhận thức các cấp, các ngành và người dân làm công tác xã hội trong lĩnh vực biến đổi khí hậu, đặc biệt là công tác xã hội với các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương.

c) Phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và triển khai chương trình giáo dục và đào tạo tích hợp nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai ở các cấp học; nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo về ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Xây dựng và triển khai chương trình tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, đặc biệt đối với cán bộ ở địa phương, đội ngũ chuyên gia kỹ thuật, phụ nữ, thanh thiếu niên và các nhóm dễ bị tổn thương;

- Tăng cường đào tạo nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu cho phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân yếu thế (*người nghèo, người có thu nhập thấp, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân ở vùng bị thiệt hại bởi thiên tai*); tập huấn hướng dẫn thích ứng, giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và hướng dẫn đánh giá rủi ro khí hậu dựa vào cộng đồng có lồng ghép giới.

d) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

- Củng cố, nâng cao trình độ về khoa học và công nghệ của các tổ chức trong lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu, đáp ứng các nhu cầu về điều tra cơ bản;

- Thu hút doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ về thích ứng với biến đổi khí hậu tại các doanh nghiệp và cộng đồng; thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Nghiên cứu chuyên gia công nghệ, ưu tiên tập trung vào công nghệ cao, công nghệ mới, chuyển đổi số trong thích ứng với biến đổi khí hậu; triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu có thể mang lại đồng lợi ích với giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững kinh tế - xã hội và các giải pháp giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu;

- Thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học phục vụ cho việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; nhận dạng bản chất, nguyên nhân, tác động của thiên tai, tương tác giữa tự nhiên - con người - xã hội, diễn biến biến đổi khí hậu làm cơ sở đề xuất và triển khai các giải pháp ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu;

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo trong dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội nhằm tận dụng cơ hội mà biến đổi khí hậu mang lại và tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Triển khai thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch, thiết kế, xây dựng các công trình, cơ sở hạ tầng có tính đến tác động của biến đổi khí hậu trong dài hạn;

- Thúc đẩy xây dựng và phổ biến, nhân rộng các hoạt động, mô hình ứng dụng công nghệ thích ứng với biến đổi khí hậu; mô hình nông nghiệp thông minh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

đ) Huy động nguồn lực tài chính, đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu

- Rà soát, cân đối, ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước hoặc sử dụng các nguồn hỗ trợ, viện trợ không hoàn lại, vốn ODA, vay ưu đãi để triển khai xây dựng các công trình, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu có đồng lợi ích với phát triển kinh tế - xã hội và giảm phát thải khí nhà kính; đẩy mạnh thu hút các dòng vốn đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Chủ động tiếp cận và huy động nguồn vốn hỗ trợ quốc tế cho thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các cơ chế tài chính trong khuôn khổ Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu như Quỹ Khí hậu xanh, Quỹ Thích ứng, Quỹ Tổn thất và thiệt hại;

- Thu hút sự tham gia của các tổ chức, cá nhân và các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội trong nghiên cứu, triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu theo quy định.

e) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu

Tăng cường hợp tác, chia sẻ thông tin với các tỉnh giáp biên giới nước CHDCND Lào và Vương quốc Campuchia trong công tác ứng dụng khoa học và công nghệ thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu; dự báo, cảnh báo thiên tai; các giải pháp ứng phó với tác động xuyên biên giới.

g) Một số nội dung, nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

III. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

1. Giai đoạn đến năm 2030

- Thực hiện lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược và quy hoạch của tỉnh theo quy định; xây dựng và định kỳ cập nhật báo cáo về thích ứng với biến đổi khí hậu của địa phương;

- Triển khai, nhân rộng các mô hình canh tác nông nghiệp xen canh thích ứng với biến đổi khí hậu; bố trí cơ cấu mùa vụ, cây trồng phù hợp; phát triển và nhân rộng các giống cây trồng, vật nuôi, các mô hình trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Sử dụng hiệu quả và ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đa dạng sinh học; bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có theo quy định của pháp luật;

- Nâng cao năng lực giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn, chất lượng dự báo, cảnh báo và truyền tải thông tin về ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; tăng cường mức độ an toàn của hệ thống công trình phòng chống thiên tai; triển khai kịp thời, hiệu quả các giải pháp phòng chống thiên tai liên quan đến bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất;

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao năng lực chống chịu, chống ngập cho các thành phố và các điểm dân cư tập trung; phòng, chống sạt lở bờ sông, hạn hán; tăng cường khả năng thích ứng và phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học;

- Tăng cường nguồn lực cho thích ứng biến đổi khí hậu; tăng cường bình đẳng giới và phát huy vai trò của phụ nữ, thanh thiếu niên trong các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ thích ứng với biến đổi khí hậu; thu hút đầu tư cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng cường hợp tác quốc tế;

- Thúc đẩy các hành động thích ứng mang lại đồng lợi ích trong giảm nhẹ rủi ro do biến đổi khí hậu và hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường.

2. Tầm nhìn đến năm 2050

Giai đoạn sau năm 2030 cho đến năm 2050, tiếp tục tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của con người, hạ tầng kỹ thuật và các hệ thống tự nhiên nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nước, bình đẳng giới, an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững quốc gia trong bối cảnh biến đổi khí hậu và an toàn trước thiên tai. Thực hiện lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu trong các hoạt động kinh tế và xã hội nhằm chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tận dụng cơ hội từ biến đổi khí hậu để phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp tích cực với cộng đồng quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Kon Tum theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch này trong phạm vi quản lý theo quy định; định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, tổng hợp báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cấp địa phương và cấp cộng đồng trên địa bàn tỉnh; định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, tổng hợp tình hình thực hiện Quyết định số 1422/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch này, báo cáo gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan theo quy định.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm: Nguồn ngân sách nhà nước (*chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển*) theo phân cấp hiện hành, quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Quyết định số 1422/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch này trên địa bàn tỉnh Kon Tum; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo và kiến nghị các bộ, ngành Trung ương các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời báo cáo và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh những giải pháp để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện ở các địa phương, đảm bảo việc triển khai Kế hoạch thực hiện đúng tiến độ, mang lại hiệu quả thiết thực.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở, ban ngành liên quan xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư cho các hoạt động thích ứng với BĐKH; các cơ chế, chính sách tăng cường bảo hiểm, chia sẻ rủi ro và thiên tai.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Kon Tum đối với các nhiệm vụ được giao chủ trì và thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp các dự án đầu tư vào kế hoạch đầu tư công trung hạn theo các giai đoạn trên cơ sở danh mục dự án của các sở, ban ngành cấp tỉnh và địa phương đề xuất để trình cấp có thẩm quyền theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

- Phối hợp với các sở, ban ngành và cơ quan liên quan rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm lồng ghép các nhiệm vụ của kế hoạch, tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch; hỗ trợ, thu hút đầu tư cho các hoạt động thích ứng với BĐKH.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh Kon Tum; thực hiện các nhiệm vụ được giao chủ trì trong Kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

3. Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị, địa phương có liên quan nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí triển khai Kế hoạch này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Sở Xây dựng

- Tổ chức hướng dẫn các địa phương rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị; hướng dẫn đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, phát triển khu đô thị mới, khu dân cư, chỉnh trang đô thị thích ứng với BĐKH.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng để điều chỉnh bổ sung, đề xuất đầu tư chỉnh trang, phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn đảm bảo thích ứng với BĐKH; nghiên cứu, xây dựng các giải pháp khả thi về thoát nước, chống ngập cho các đô thị, khu dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị chống chịu với tác động của BĐKH; Tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp chống ngập, củng cố và xây mới các công trình cấp, thoát nước tại các đô thị, khu dân cư.

5. Các sở, ban ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Chủ động triển khai các nội dung công việc được phân công tại Phụ lục; tập trung huy động và bố trí nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu.

- Rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương để lồng ghép với các hoạt động của Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH, đảm bảo tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch.

- Vận động, thu hút sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng; tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đầu tư, hỗ trợ thực hiện Kế hoạch.

- Đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) những biện pháp nhằm tối ưu hóa việc thực hiện Kế hoạch và những điều chỉnh cần thiết đối với Kế hoạch trong giai đoạn sau.

- Định kỳ hằng năm báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ đang triển khai, kết quả các nhiệm vụ đã hoàn thành, các nhiệm vụ chưa hoàn thành so với tiến độ thời gian yêu cầu và nguyên nhân gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) trước 15 tháng 12 để tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- Các Tổ chức chính trị - xã hội;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN._{NVH}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tháp

PHỤ LỤC

Kế hoạch triển khai Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật) trên địa bàn tỉnh Kon Tum

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Mục tiêu 1. Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
I. Sử dụng hiệu quả và ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất				
1	Điều tra, đánh giá các nguồn nước dưới đất, quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác nước dưới đất; bảo vệ chất lượng nguồn nước.	Điều tra, đánh giá các nguồn nước dưới đất phục vụ xây dựng mạng lưới các điểm nguồn cấp nước nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu cho các khu vực dễ bị tổn thương.	Sở Tài nguyên và Môi trường	2025-2030, hoàn thành, tổng kết, đánh giá.
		Xác định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, ngưỡng khai thác nước dưới đất cho các khu vực, đề xuất áp dụng các biện pháp tích trữ nước, điều hòa phân phối nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả, hạn chế khai thác, sử dụng nước, chống suy thoái cạn kiệt nguồn nước theo từng cấp độ khan hiếm nước.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Năm 2025; hoàn thành
2	Khai thác hợp lý, hiệu quả và tăng cường các giải pháp bảo vệ, giảm thiểu thoái hóa đất.	Khai thác hợp lý diện tích đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông cho phát triển rừng, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp.	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		Nghiên cứu các biện pháp cải tạo, bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất do xói mòn, hạn hán.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá
II. Phát triển nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu				
1	Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa sang trồng cây có giá trị, hiệu quả kinh tế cao hoặc trồng thủy sản; khai thác và phát huy lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới; phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, phát thải khí nhà kính thấp, thân thiện với môi trường và hiệu quả dựa vào lợi thế tự nhiên của từng vùng và nhu cầu của thị trường.	Đánh giá hiệu quả đất trồng lúa và chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang các cây ăn quả, rau màu, mô hình canh tác hỗn hợp (<i>lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, lúa - rau màu, cây ăn quả, cây thức ăn chăn nuôi</i>) có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với từng vùng sinh thái.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá.
		Khai thác và phát triển nguồn gen giống vật nuôi bản địa theo hướng sản xuất hàng hóa có hiệu quả gắn với du lịch sinh thái; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các giống vật nuôi bản địa chất lượng cao, có lợi thế.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá
		Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế so sánh, thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu theo vùng miền (nông lâm kết hợp, nông nghiệp thủy sản, ưu tiên cho sản xuất hàng hóa, quy mô lớn, sản xuất theo chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng).	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá
		Ứng dụng khoa học và công nghệ, công nghệ cao, cơ giới hoá, tự động hoá và các quy trình canh tác tiên tiến, thâm canh bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu ở các vùng sinh thái.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		Tăng cường các hoạt động kiểm soát dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, cải tiến các dịch vụ thú y để phát triển chăn nuôi bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và khai thác lợi thế các vùng sinh thái.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Kiểm soát được các dịch bệnh và ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. 2026 - 2030: Các hoạt động kiểm soát dịch bệnh, ô nhiễm môi trường và dịch vụ thú y được áp dụng trong toàn bộ quá trình chăn nuôi.
2	Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, phát triển chuỗi giá trị nông sản chủ lực, quy hoạch vùng sản xuất, phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và các tiến bộ khoa học.	Phát triển các mô hình thích ứng, liên kết trong chăn nuôi từ khâu cải tiến giống vật nuôi, công nghệ chăn nuôi, thị trường tiêu thụ (trong nước, hướng đến xuất khẩu) và xử lý chất thải phù hợp với điều kiện sinh thái.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
3	Bố trí cơ cấu mùa vụ, đẩy mạnh thâm canh, xen canh.	Xác định cơ cấu mùa vụ thích ứng với biến đổi khí hậu. Nhân rộng các phương pháp xen canh, thâm canh các giống cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu cho các vùng miền.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Cơ cấu mùa vụ cho các vùng nông nghiệp được xác định. 2026-2030: Triển khai thực hiện, tổng kết, đánh giá. 2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thí điểm trên địa bàn tỉnh 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
4	Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, thực hiện các giải pháp nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mô hình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, khai thác thủy sản bền vững, phù hợp với điều kiện hạn; nâng cao khả năng chống chịu, thích ứng của nông nghiệp với biến đổi khí hậu ở từng vùng, miền.	Xây dựng các mô hình sản xuất tiên tiến (áp dụng đồng bộ hệ thống tưới, quản lý dinh dưỡng tổng hợp, sử dụng cây giống sạch bệnh, giống có lợi thế xuất khẩu, quản lý thâm canh và sử dụng biện pháp phòng trừ dịch bệnh thân thiện với môi trường).	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Các mô hình được xây dựng và thí điểm. 2026 - 2030: Áp dụng trên diện rộng và tổng kết, đánh giá.
		Nhân rộng các mô hình canh tác lúa cải tiến (SRI); canh tác ngô xen đậu (IMB), sắn với lạc, đậu (ICB); canh tác tổng hợp cà phê (ICoM); mô hình thâm canh cây ăn quả theo VietGAP (VGP) thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
		Nhân rộng mô hình chăn nuôi cải tiến chuồng trại và ứng dụng công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
		Triển khai ứng dụng các mô hình liên kết, tổng hợp theo chuỗi giá trị (chăn nuôi công nghệ cao, an toàn sinh học, chăn nuôi kết hợp sản xuất năng lượng (IFES), chăn nuôi dựa trên sinh thái (AEbA), chăn nuôi theo VietGAP, chăn nuôi thông minh với khí hậu (CSA).	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
		Nhân rộng mô hình sử dụng thức ăn xanh cho chăn nuôi bò và gia súc nhai lại khác (GFC) thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Mô hình được áp dụng cho một số cơ sở chăn nuôi. 2026 - 2030: Tiếp tục nhân rộng và tổng kết, đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		Chuyển dịch chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, được đầu tư đồng bộ về hệ thống chuồng nuôi và môi trường, áp dụng công nghệ chăn nuôi tiên tiến để nâng cao khả năng thích ứng và giá trị gia tăng.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
5	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển các giống cây trồng vật nuôi mới thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu.	Cải tạo cây đậu tương tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu bằng kỹ thuật chỉnh sửa gen CRISPR/Cas9; sản xuất mía nguyên liệu tại vùng khô hạn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Các giống mới được chọn tạo, thí điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô áp dụng, tổng kết, đánh giá.
		Nhân rộng mô hình sử dụng các giống gia cầm, thủy cầm địa phương có khả năng chống chịu cao (LCT) thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục thí điểm cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
		Chuyển dịch cơ cấu giữa khai thác với nuôi trồng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phát triển dịch vụ phục vụ cho nuôi trồng thủy sản.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
6	Đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có giá trị gia tăng cao.	Nhân rộng mô hình nuôi trồng thủy sản hỗn hợp đa loài, đa tầng (IAQ), an toàn sinh học (BSS) thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Mô hình được triển khai áp dụng. 2026 - 2030: Tiếp tục nhân rộng và tổng kết, đánh giá.
3. Quản lý bảo vệ rừng và các hệ sinh thái				
1	Bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên hiện có; tăng cường khả năng	Triển khai các dự án trồng rừng, ưu tiên rừng đầu nguồn, rừng cây gỗ lớn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Triển khai thí điểm cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
	phòng hộ của rừng đầu nguồn; phát triển rừng trồng gỗ lớn và phục hồi cảnh quan rừng.	Phục hồi, phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, chống khai thác bất hợp pháp, bảo tồn đa dạng sinh học rừng.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện, phục hồi. 2026 - 2030: Nhân rộng, tổng kết, đánh giá, phục hồi.
2	Phát triển các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng, hệ sinh thái; tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương trong bảo vệ, bảo tồn và quản lý đa dạng sinh học.	Xây dựng và phát triển các mô hình bảo tồn đa dạng sinh học dựa vào cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2025 - 2026: Triển khai thực hiện. 2027 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
4. Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu				
1	Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng của các ngành gắn với triển khai đồng bộ các biện pháp bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Phát triển hạ tầng ngành thông tin, truyền thông thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá.
		Nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng, các công trình du lịch, thể thao nhằm nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, chú trọng các khu, điểm du lịch và xây dựng các sản phẩm du lịch thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		<p>Xây dựng đề án duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hóa, lịch sử trong điều kiện biến đổi khí hậu, chú trọng công tác duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hóa.</p>	<p>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố</p>	<p>2024 - 2025: Xây dựng, phê duyệt đề án và triển khai. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô thực hiện, tổng kết, đánh giá.</p>
		<p>Trên cơ sở hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Công Thương phối hợp Công ty Điện lực Kon Tum, Truyền tải Điện Kon Tum theo dõi, rà soát kế hoạch nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp, hệ thống đường dây truyền tải, phân phối điện để triển khai thực hiện.</p>	<p>Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố</p>	<p>2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.</p>
2	<p>Xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị, các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp; phát triển các khu đô thị, công nghệ, vật liệu mới có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị.</p>	<p>Xây dựng, nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng đô thị, nông thôn, các điểm dân cư tập trung trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất, kịch bản biến đổi khí hậu.</p>	<p>Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố</p>	<p>2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thiện và tổng kết đánh giá.</p>
		<p>Triển khai các dự án nhằm ứng dụng các công nghệ, sử dụng các loại vật liệu mới, bền vững, có tính chống chịu cao với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị.</p>	<p>Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố</p>	<p>2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.</p>
3	<p>Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các cơ sở y tế, trường học bảo đảm khả năng chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai.</p>	<p>Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các cơ sở ngành y tế bảo đảm điều kiện chăm sóc sức khỏe; bảo đảm khả năng tiếp cận, duy trì hoạt động khi xảy ra thiên tai và sơ tán trong các tình huống thiên tai khẩn cấp.</p>	<p>Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố</p>	<p>2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.</p>

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
		Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các trường học bảo đảm khả năng chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn và tăng cường khả năng ứng phó trước thiên tai.	Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
4	Cải tạo, nâng cấp các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; phát triển, hoàn thiện mạng lưới đường bộ cao tốc, hệ thống giao thông kết nối liên vùng.	Nâng cấp, cải tạo, xây dựng các công trình giao thông đường bộ, đường thủy ở những vùng thường bị đe dọa bởi lũ, lụt.	Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai ở các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
		Nâng cấp, cải tạo, xây dựng các công trình giao thông đường bộ có khả năng chống chịu với sạt lở đất khu vực miền núi.	Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai ở các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
5	Tập trung hoàn thành các công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất; xây dựng và hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi; xây dựng mới một số hồ chứa lớn đa mục tiêu tại các vùng hạn hán, vùng khan hiếm nước.	Xây mới một số công trình trữ nước ngọt phục vụ cấp nước sinh hoạt và sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu, ưu tiên vùng có nguy cơ hạn hán, khan hiếm nước.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
		Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các công trình thủy lợi, xây mới một số hồ chứa lớn, đa mục tiêu phục vụ cấp nước và sản xuất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.

5. Tăng cường hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
1	Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, đáp ứng yêu cầu phòng chống dịch bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu.	Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe, ưu tiên cho các cộng đồng người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do tác động của biến đổi khí hậu.	Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
2	Đầu tư công nghệ, trang thiết bị nhằm dự phòng và điều trị các bệnh gia tăng do biến đổi khí hậu.	Đầu tư công nghệ, trang thiết bị cho các cơ sở y tế, khám chữa bệnh đủ năng lực để điều trị các bệnh nhạy cảm với biến đổi khí hậu như: sốt rét, tiêu chảy, hô hấp, tim mạch.	Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Mở rộng quy mô, hoàn thành và tổng kết đánh giá.
3	Xây dựng và nhân rộng các mô hình của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu.	Xây dựng và nhân rộng các mô hình quản lý, giám sát các dịch bệnh liên quan đến sự thay đổi của thời tiết và khí hậu.	Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Xây dựng, áp dụng thí điểm các mô hình. 2026 - 2030: Nhân rộng và tổng kết đánh giá.
		Xây dựng và nhân rộng các mô hình vệ sinh môi trường và nước sạch thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng và cơ sở y tế, chú trọng khu vực nông thôn, miền núi, đặc biệt là những vùng chịu tác động của bão, lũ, hạn hán.	Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Xây dựng, áp dụng thí điểm các mô hình 2026 - 2030: Nhân rộng và tổng kết đánh giá.
		Xây dựng, nhân rộng các mô hình về dinh dưỡng, thực phẩm, bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm và ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tái tạo, sử dụng năng lượng sạch thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng và các cơ sở y tế.	Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Xây dựng và áp dụng thí điểm. 2026 - 2030: Nhân rộng và tổng kết đánh giá.

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
4	Phát triển hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe.	Đầu tư, phát triển hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khỏe.	Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Rà soát hệ thống giám sát hiện có. 2026 - 2030: Phát triển hệ thống, mở rộng quy mô.
6. Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới				
1	Phát triển các mô hình sinh kế bền vững, các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, tiếp cận các nguồn vốn cho người dân ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu	Xây dựng và nhân rộng các mô hình ổn định đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng địa phương trong quá trình tái định canh, định cư dưới tác động của biến đổi khí hậu nhằm bảo vệ các thiết chế văn hoá cơ sở.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các huyện, thành phố	2024 - 2025: Nghiên cứu, triển khai thí điểm các mô hình. 2026 - 2030: Tiếp tục nhân rộng, tổng kết, đánh giá.
		Nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể và di sản tư liệu trước tác động của biến đổi khí hậu bằng các tri thức địa phương.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Nghiên cứu, xây dựng tài liệu; đào tạo thí điểm. 2026 - 2030: Hoàn thiện nội dung, mở rộng quy mô đào tạo và tổng kết đánh giá.
2	Tăng cường sự tham gia của phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân trong thực hiện các chính sách và hoạt động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu	Xây dựng hướng dẫn lồng ghép bình đẳng giới, tăng cường sự tham gia của phụ nữ và thanh thiếu niên trong thực hiện chính sách và tham gia các chương trình, hoạt động phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh Đoàn Kon Tum	2025-2026: Xây dựng hướng dẫn, triển khai các hoạt động. 2026-2030: Tiếp tục triển khai và tổng kết đánh giá.
		Phát triển, đào tạo kỹ năng mềm cho lao động nữ, thanh niên tham gia các ngành kinh tế mới theo hướng thích ứng biến đổi khí hậu.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2025-2026: Xây dựng tài liệu, triển khai thí điểm. 2026-2030: Tiếp tục nhân rộng và tổng kết đánh giá.

Mục tiêu 2. Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng, góp phần giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
I. Dự báo và cảnh báo sớm				
1	Đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới quốc gia về giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn; hệ thống quan trắc, giám sát thiên tai chuyên dùng; thực hiện xã hội hóa một số hoạt động quan trắc, giám sát khí hậu cực đoan.	Phát triển các hệ thống quan trắc, giám sát thiên tai chuyên dùng phục vụ phòng chống bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bảo đảm an toàn vận hành hồ chứa.	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai các dự án. 2026 - 2030: Hoàn thiện hệ thống theo quy hoạch và tổng kết đánh giá.
2	Tăng cường năng lực truyền tin khí hậu và thiên tai, bảo đảm truyền, phát thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời; phát triển hệ thống cảnh báo đa thiên tai, kết hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng về thông tin, truyền thông quốc gia.	Đầu tư mở rộng các trạm thông tin vệ tinh mặt đất, thiết bị thông tin lưu động; nâng cao năng lực truyền tin, bảo đảm truyền, phát đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về khí hậu và thiên tai tới tất cả Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, người dân trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.
3	Giảm thiểu tổn thất và thiệt hại thông qua các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai; cải thiện hệ thống quản lý rủi ro thiên tai; tăng cường năng lực, biện pháp quản lý và thúc đẩy phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.	Xây dựng và triển khai kế hoạch phòng, chống thiên tai; xác định các biện pháp ứng phó thiên tai, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng và khắc phục hậu quả thiên tai ở các cấp.	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Hoàn thành kế hoạch, triển khai ở các cấp. 2026 - 2030: Tiếp tục thực hiện và tổng kết đánh giá.
II. Xây dựng, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai				

1	Củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê, kè sông, hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện; ưu tiên bảo đảm an toàn cho hệ thống hồ, đập, đê sông.	Đầu tư xây dựng hệ thống cảnh báo sớm thiên tai cho các hồ chứa để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024-2025: Triển khai thí điểm các hồ chứa công quy mô cao. 2026 - 2030: Áp dụng cho tất cả các hồ chứa, tổng kết đánh giá.
		Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn các hồ chứa, hệ thống đê, kè sông, công trình phòng chống thiên tai có nguy cơ tổn thương cao do tác động của biến đổi khí hậu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Triển khai cho các công trình trọng điểm. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.
		Củng cố, xây dựng các công trình phòng chống thiên tai trọng điểm, cấp bách.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các công trình trọng điểm. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.
2	Tăng cường năng lực phòng chống lũ quét, sạt lở đất, phòng chống bão, phòng chống lũ lớn và lũ cực đoan	Xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất ở những nơi có nguy cơ cao.	Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Triển khai xây dựng thí điểm ở những nơi có nguy cơ cao. 2026 - 2030: Hoàn thiện hệ thống, tổng kết đánh giá.
		Tăng cường năng lực phòng chống bão, lũ lớn và lũ cực đoan các lưu vực sông.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.

		Rà soát, xây dựng, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi, ưu tiên các công trình tại các vùng dễ bị tổn thương nhằm ứng phó với bão, lũ, hạn hán.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng trọng điểm. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.
III. Bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản người dân, triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu				
1	Quy hoạch, đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, khí hậu cực đoan; những nơi chưa thể di dời được cần được theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro.	Đầu tư bố trí, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão do bão, lũ lụt, xói lở bờ sông hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng có nguy cơ cao. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá.
		Tăng cường các biện pháp theo dõi, giám sát, cảnh báo thiên tai tại những nơi không thể di dời nhằm chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, nhất là nơi có nguy cơ cao xảy ra bão, lũ, xói lở bờ sông hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở, sụt lún đất, tai biến địa chất.	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai cho các vùng có nguy cơ cao. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết đánh giá.
2	Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân; xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới; xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp làm nơi sơ tán trong tình huống thiên tai khẩn cấp nhằm bảo đảm an toàn cho người dân, phục hồi sau thiên tai.	Thí điểm, đầu tư các giải pháp kỹ thuật phòng chống lũ quét và sạt lở đất cho các cụm dân cư khu vực miền núi.	Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Tiếp tục triển khai thí điểm cho các vùng. 2026 - 2030: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá.
3	Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu tổn thất và thiệt hại thông qua đánh giá và quản lý rủi ro khí hậu, các cơ chế tài	Cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu theo Luật Khí tượng thủy văn (5 năm/lần).	Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành có liên quan	2024 - 2030: Kịch bản biến đổi khí hậu được cập nhật định kỳ.

trợ rủi ro như bảo hiểm rủi ro khí hậu, quỹ dự phòng và các chương trình bảo trợ xã hội.	Định kỳ cập nhật đánh giá tác động của biến đổi khí hậu và kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2030: Báo cáo đánh giá được cập nhật định kỳ.
	Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.	Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2030: Triển khai thực hiện.

Mục tiêu 3. Hoàn thiện thể chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực nhằm thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu

TT	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn
I. Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách				
1	Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy hoạch, kế hoạch phát triển các cấp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 bảo đảm yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu và yêu cầu lồng ghép các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.	Rà soát, xây dựng, cập nhật quy hoạch tỉnh trên cơ sở quy định của Luật Quy hoạch và kịch bản biến đổi khí hậu, có chú trọng đến vùng dễ bị tổn thương do tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành liên quan Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Các chiến lược, quy hoạch được xây dựng và phê duyệt. 2026 - 2030: Tiếp tục xây dựng và cập nhật theo yêu cầu.
2	Hoàn thiện các quy định quản lý hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.	Hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật về các giải pháp kỹ thuật xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ứng phó với ứng ngập đô thị (san nền, thoát nước, hồ điều hòa, đê bao...).	Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Hoàn thành xây dựng hướng dẫn.
3	Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp liên vùng, liên ngành trong thích ứng với biến đổi khí hậu; các cơ chế, chính sách phù hợp với mục tiêu lồng ghép và thúc đẩy các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu mang lại	Triển khai chính sách việc làm nhằm khuyến khích tạo việc làm xanh và bền vững.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	Triển khai sau khi Trung ương hướng dẫn
		Triển khai chính sách thúc đẩy lồng ghép, tạo	Sở Lao động -	Triển khai sau

	đồng lợi ích với phát triển bền vững kinh tế - xã hội, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính.	việc làm xanh và hỗ trợ chuyển đổi việc làm, phát triển sinh kế bền vững cho người dân, đặc biệt là người lao động có đất phải chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc bị tác động của biến đổi khí hậu, các sự cố, thảm họa môi trường (<i>theo hướng dẫn của Trung ương</i>).	Thương binh và Xã hội, Ban dân tộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	khí Trung ương hướng dẫn
4	Hoàn thiện quy định về giám sát và đánh giá kết quả, hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu, thiết lập, vận hành hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp tỉnh.	Rà soát, cập nhật hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia.	Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2025 - 2030: Triển khai việc rà soát, cập nhật.

II. Truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng

1	Đa dạng hóa phương thức thông tin; nâng cao chất lượng truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Xây dựng, thực hiện Kế hoạch tuyên truyền, nâng cao năng lực truyền thông và đa dạng hóa các phương thức truyền thông về dự báo khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Hướng dẫn triển khai đa dạng hóa phương thức thông tin; nâng cao chất lượng truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Xây dựng, phê duyệt. 2026 - 2030: Triển khai thực hiện và tổng kết đánh giá. Thường xuyên.
2	Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông quốc gia, tổ chức các lớp tập huấn cho chính quyền các cấp, tổ chức xã hội và cộng đồng; đẩy mạnh các phong trào của thanh thiếu niên, phụ nữ về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.	Xây dựng và triển khai các hoạt động truyền thông về tổn thất và thiệt hại, thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng lợi ích trong thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu, phát triển các mô thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng. Tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông theo chương trình quốc gia về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Xây dựng, phê duyệt. 2026 - 2030: Triển khai thực hiện và tổng kết đánh giá. Theo Chương trình quốc gia

3	Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, tri thức địa phương; tuyên truyền, nhân rộng các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái, dựa vào cộng đồng.	Xây dựng và triển khai các chương trình tập huấn, truyền thông về phát triển các mô hình phát triển rừng và lâm nghiệp bền vững, mô hình sinh kế dựa vào cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy tri thức địa phương trong thích ứng biến đổi khí hậu cho chính quyền địa phương, các cơ sở giáo dục, các tổ chức xã hội và cộng đồng;	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2030: Xây dựng, triển khai chương trình.
III. Phát triển nguồn nhân lực				
1	Xây dựng và triển khai chương trình tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.	Xây dựng, thực hiện các chương trình tăng cường năng lực cho cán bộ tại địa phương bảo đảm cập nhật và phù hợp với các quy định trong nước và các điều ước, thỏa thuận quốc tế về biến đổi khí hậu mà Việt Nam tham gia là thành viên.	Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2030: Xây dựng, triển khai thực hiện.
2	Triển khai chương trình giáo dục phổ thông tích hợp nội dung giáo dục về biến đổi khí hậu ở các cấp học; nâng cao chất lượng các chương trình giảng dạy về ứng phó với biến đổi khí hậu.	Cập nhật, lồng ghép, tích hợp các nội dung về ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai trong triển khai chương trình giáo dục phổ thông ở tất cả các cấp học, bậc học.	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Triển khai thí điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục triển khai, mở rộng và tổng kết đánh giá.
		Nâng cao chất lượng, phát triển năng lực của đội ngũ giáo viên, cán bộ ngành giáo về ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai.	Sở GD&ĐT, Sở TN&MT, UBND các huyện, thành phố	2024 - 2025: Triển khai thí điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục triển khai, tổng kết đánh giá.
4. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ				

1	Nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số trong thích ứng với biến đổi khí hậu; các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu đồng lợi ích với giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững kinh tế - xã hội; giải quyết vấn đề tồn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.	Triển khai nghiên cứu, phát triển, ứng dụng hiệu quả các công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2030: Nghiên cứu, triển khai thí điểm.
		Nghiên cứu và triển khai thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu có đồng lợi ích với giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững kinh tế - xã hội.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2025: Nghiên cứu, triển khai thí điểm. 2026 - 2030: Tiếp tục thực hiện, tổng kết đánh giá.
2	Nghiên cứu xây dựng bổ sung, cập nhật tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch, thiết kế, xây dựng các công trình, cơ sở hạ tầng có tính đến tác động của biến đổi khí hậu trong dài hạn.	Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của các lĩnh vực nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.	Các sở, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2025 - 2030: Nghiên cứu, xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu

1	Thúc đẩy hợp tác, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu; dự báo, cảnh báo thiên tai và giải pháp ứng phó phù hợp với tác động xuyên biên giới của các hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu.	Tổ chức và tham gia các chương trình và diễn đàn quốc tế và tăng cường hợp tác và trao đổi trong nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu, ngăn ngừa, giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ, các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2024 - 2030: Tổ chức, tham gia các chương trình, diễn đàn theo kế hoạch.
---	---	--	---	--